

THÁI KHẮC TUY (1831 - ?)

Qua châu bản Triều Nguyễn

■ Nguyễn Thị Dương
Viện Nghiên cứu Hán Nôm

Thái Khắc Tuy là một vị quan triều Nguyễn, người Đức Thọ, Hà Tĩnh. Hành trạng của ông được ghi nhận khá thống nhất trong các sách *Quốc triều hương khoa lục*, *Lược truyện các tác gia Việt Nam* và trong các sách viết về quê hương Đức Thọ, Hà Tĩnh như *Tác gia Hán Nôm Nghệ Tĩnh*, *Đức Thọ đất và người* (1). Tựu trung, qua các sách trên, thông tin về Thái Khắc Tuy được biết như sau: Ông là người xã Việt Yên, huyện La Sơn (nay là xã Trường Sơn, huyện Đức Thọ, Hà Tĩnh), không rõ năm sinh, năm mất. Ông đỗ Cử nhân khoa thi Đinh Mão (1867) đời vua Tự Đức, làm quan tới chức Tri phủ sau cáo về, có tác phẩm *Việt sử địa dư* (vịnh sách). Tuy nhiên một vài tài liệu tìm được trong số Châu bản triều Nguyễn (một nguồn tài liệu quan trọng trong văn khố triều Nguyễn) hiện còn lưu giữ, cung cấp một số thông tin trước nay chưa được biết tới về Thái Khắc Tuy, có thể giúp hiểu rõ hơn tiểu sử, hành trạng cũng như con người vị quan quê Hà Tĩnh.

1. Tiểu sử, hành trạng Thái Khắc Tuy (1831 - ?)

Về năm sinh, năm mất của Thái Khắc Tuy, các sách trên đây đều không đề cập nhưng tờ Bẩm của Thái Khắc Tuy viết ngày 25 tháng 7 năm Đồng Khánh thứ 3 (1888) ⁽²⁾ cho biết ông sinh năm Tân Mão, khi ấy 58 tuổi, tức Thái Khắc Tuy sinh năm 1831. Văn bản cũng cung cấp một số thông tin cơ bản về hành trạng của Thái Khắc Tuy. Theo đó, Thái Khắc Tuy người thôn Vạn Phúc Đông, xã Việt Yên thượng, tổng Việt Yên, huyện La Sơn, phủ Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh. Đỗ Cử nhân khoa thi Đinh Mão năm Tự Đức thứ 20 (1867), ba năm sau (1870) ông được bổ làm Lãnh Tư vụ bộ Công (một tài liệu Châu bản khác là bản Tấu của bộ Lại ngày 26 tháng 2 năm Thành Thái thứ 1 (1889) ghi rõ hơn là Thái Khắc Tuy được trao chức Điền tịch Lãnh Tư vụ bộ Công ⁽³⁾). Năm Tự Đức thứ 25 (1872), được thăng làm Lãnh Tri phủ Lạng Giang song một năm sau (1873), triều

đình điều Thái Khắc Tuy về làm Chủ sự ở bộ Hộ, rồi ông cáo bệnh xin hồi quán. Năm Tự Đức thứ 31 (1878), Thái Khắc Tuy được đổi bổ làm Tri huyện Kim Động. Năm Tự Đức thứ 33 (1880), ông được thăng hàm Thị giảng, sung làm Giám lâm tỉnh Hưng Yên ⁽⁴⁾. Năm Tự Đức thứ 35 (1882), do can án việt khổng (kiện vượt bậc, không theo đúng thứ tự quy định), Thái Khắc Tuy bị cách chức. Không lâu sau, vào tháng giêng năm Kiến Phúc thứ 1 (1883), ông được khai phục chức Điền tịch, sung làm Kiểm hiệu trong Sử quán, tháng 7 thăng hàm Biên tu, rồi nhân bệnh xin về. Thời gian ở quê (năm Hàm Nghi thứ 1 [1884]), Thái Khắc Tuy được cử trông coi thay (phái nhiếp) công việc huyện

Hương Sơn, sau vì sự biến nên trở về. Kể tới tháng 5 năm Đồng Khánh thứ 1 (1886), ông làm tùy phái tại tỉnh đường Nghệ An. Tới tháng 12 năm Đồng Khánh thứ 2 (1887), triều đình tỉnh giảm nhân sự nên ông lại về chờ bổ. Tháng 7 năm Đồng Khánh thứ 3 (1888), Thái Khắc Tuy cùng người em trai là Thái Tinh (sinh năm Đinh Tỵ 1857) được gọi về Kinh.

Tiếp đó, theo bản tấu của bộ Lại ngày 26 tháng 2 năm Thành Thái thứ 1 thì từ tháng 10 năm Đồng Khánh thứ 3, Thái Khắc Tuy được sung làm Tùy biện ở Sở Thần sắc. Đầu năm Thành Thái thứ 1 (1889), ông được thăng Hàn lâm viện Tu soạn nhưng vẫn sung Tùy biện ở sở cũ. Giai đoạn sau 1889, hiện chưa tìm thấy thông tin nào về Thái Khắc Tuy được đề cập trong Châu bản.

Như vậy, từ khi ứng vụ năm Tự Đức thứ 23 (1870) cho tới năm 1889, Thái Khắc Tuy trải nhiều công việc khác nhau. Ngoài những lần đảm nhiệm Tri phủ Lạng Giang, Tri huyện Kim Động, Giám lâm tỉnh Hưng Yên hay Tùy phái ở Nghệ An, Thái Khắc Tuy cũng làm việc tại bộ Hộ, bộ Công, Sử quán. Thời gian làm việc tại triều đình, Thái Khắc Tuy gắn bó nhiều với công việc liên quan tới sách vở, biên soạn sử sách. Cuốn *Việt sử địa dư* mà ông đứng tên cùng Phan Đình Phùng chính là được soạn vào năm Kiến Phúc thứ 1 (1883), khi ông được khai phục chức Điển tịch và sung vào làm việc tại Sử quán.

2. Nhìn nhận của Thái Khắc Tuy đối với một số vấn đề kinh tế - xã hội triều Nguyễn

Nếu so với người đồng hương Phan Đình Phùng (đỗ Cử nhân năm 1876, đỗ

Đình nguyên Tiến sĩ năm 1877, làm quan tới chức Ngự sử), đường khoa hoạn của Thái Khắc Tuy khiêm tốn hơn. Chức cao nhất mà Thái Khắc Tuy từng giữ là Tri phủ, hàm cao nhất là Thị giảng. Dầu vậy, quãng đời làm quan của Thái Khắc Tuy không phải không để lại dấu ấn. Bản điều trần mà Thái Khắc Tuy dâng lên triều đình hồi tháng 3 năm Tự Đức thứ 32 (1879) là một minh chứng. Bản điều trần bao gồm 5 khoản, đề cập các vấn đề đề điều, Nam dược, đặt quan trông coi về nông nghiệp tại các phủ huyện, mở nhiều trường học (dạy chữ, võ nghệ, thiên văn, địa lý, y bốc, tướng số) và cấp thực điền cho người phải sung lính, trong đó khoản nói về dùng thuốc Nam thay thuốc Bắc và lập trường dạy học (trong đó có dạy y học) thực sự rất đáng chú ý. Dưới đây xin được nói kỹ hơn về hai khoản này.

Nguyên văn tờ điều trần của Thái Khắc Tuy hiện không còn được lưu giữ nhưng nhờ có bản tấu của bộ Hộ ngày 16 tháng 10 năm Tự Đức thứ 32 (1879)⁽⁵⁾ - chính là lời nghị bàn của cơ quan này về các khoản điều trần của Thái Khắc Tuy nên chúng ta biết được không chỉ nội dung điều trần của Thái Khắc Tuy mà cả ý kiến bộ Hộ về từng khoản kiến nghị.

2.1. Vấn đề sử dụng thuốc Nam, thuốc Bắc

Kiến nghị của Thái Khắc Tuy về dược phẩm là khoản nêu ra đầu tiên trong bản tấu của bộ Hộ và được vua Tự Đức phê trực tiếp trên đó bằng bút son. Nội dung này đã được trình bày trong bài “Thái Khắc Tuy và bản điều trần xin dùng Nam dược thay thế Bắc dược”⁽⁶⁾. Theo đó, “Thái Khắc Tuy chỉ ra hai lý do nên chuyên dùng Nam dược. Thứ nhất về phương diện kinh tế, trong khi dược phẩm nước ta không thiếu, các thầy thuốc ta lại chỉ dựa vào nguồn thuốc Bắc ngoại nhập thì đó là một sự lãng phí nguồn tài nguyên sẵn có của nước nhà. Thứ hai, do điều kiện vận chuyển lúc bấy giờ, thời gian chuyên chở thuốc Bắc từ Trung Quốc

sang ta mất đến hàng tháng trời khiến khí vị thuốc giảm bớt, lại bị hư mục sâu một nên ảnh hưởng tới chất lượng điều trị. Do đó, dùng Nam dược thay thế Bắc dược không những tận dụng được nguồn dược liệu bản địa phong phú vốn có, đồng thời chủ động việc thu hái thuốc đảm bảo hiệu quả điều trị tốt nhất mà còn giúp giảm bớt chi phí và hơn nữa, như lời Châu phê bổ sung, tránh được nghịch lý có những vị thuốc láit thương người Thanh mua gom tại Việt Nam mang về tĩa tốt rồi bán ngược trở lại nước ta với giá cao. Để thực hiện chủ trương trên, Thái Khắc Tuy đưa ra đề nghị cụ thể xin Thái y viện ném xét dược tính, thí nghiệm chế lập phương thư ngỗ hầu ban bố rộng khắp”.

Có thể nói Thái Khắc Tuy không phải là người đầu tiên đưa ra ý tưởng dùng thuốc Nam chữa bệnh cho người Nam. Từ các thế kỷ trước, các danh y Việt Nam như Tuệ Tĩnh, Hải Thượng Lãn Ông đều chú trọng và đề xướng dùng nguồn dược liệu bản địa để chữa bệnh song trên thực tế, cho tới triều Nguyễn, người Việt Nam luôn phải nhập thuốc Bắc của Tàu. Với đề nghị chuyên dùng Nam dược, Thái Khắc Tuy đã tiếp nối ý tưởng tiền nhân nhưng khác với các danh y Tuệ Tĩnh, Hải Thượng ở chỗ, với bản điều trần của ông, “có lẽ đây là lần đầu tiên một chính sách sử dụng phát triển Nam dược ở tầm vĩ mô đã được trình lên và đưa ra bản bạc ở cơ quan có thẩm quyền trực tiếp cao nhất... Những đề nghị cải cách vừa thực tế vừa mang tầm chiến lược này chính là những đóng

góp cho chính sách quốc gia trên phương diện dân sinh cũng như kinh tế. Tiếc là bộ Hộ không hoàn toàn tán thành vì cho rằng dược phẩm nước ta so với Trung Quốc vị có vị không, mà dược lực mạnh yếu cũng khác nên các thầy thuốc phải tùy nghi sử dụng. Còn việc ném xét dược tính thảo dược, thí nghiệm, chế lập phương thư là không tưởng do đặc trưng kinh nghiệm ít được truyền lưu, thư tịch y dược có thể kê cứu thì cũng chỉ trị liệu những bệnh tầm thường... Những phản biện bộ Hộ đưa ra không sai, nó là thực trạng nền y dược nước nhà - trong đó thói quen điều trị bằng thuốc Bắc, coi thường thuốc Nam và nguồn tài liệu không hệ thống chính là những khó khăn không dễ vượt qua”.

Mặc dù ý kiến không tán thành của bộ Hộ thể hiện trên bản tấu ngày 16 tháng 10 năm Tự Đức thứ 32 nhưng một tài liệu khác thuộc phong Nha huyện Thọ Xương là tờ Trát ngày 3 tháng 12 năm Tự Đức thứ 33 (1880) của Thự Hà - Ninh Tổng đốc và Thự Tuần phủ Hà Nội trong đó nhắc tới khoản điều trần xin chuyên dùng Nam dược của Thái Khắc Tuy, đồng thời yêu cầu các huyện Thọ Xương, Vĩnh Thuận tìm người am hiểu dược tính bản quốc cùng các phương thang trị liệu để báo về triều đình cho thấy ý tưởng của Thái Khắc Tuy đã được triều đình Tự Đức tiếp nhận và bắt đầu cho tiến hành đầu có thể mới chỉ ở phạm vi nhất định.

2.2. Việc mở các trường học ngoài Nho học

Mở rộng giảng dạy (quảng giáo pháp) là một nội dung trong bản điều trần của Thái Khắc Tuy. Mục đích việc mở rộng giảng dạy là để có được thực tài. Xuất phát từ thực tế, triều đình nhiều lần sai tìm rộng khắp những người giỏi các nghề văn chương, võ nghệ, thiên văn địa lý, y dược, tướng số mà vẫn chưa tìm được người xứng Chỉ, Thái Khắc Tuy cho rằng nguyên nhân là do sự học chưa tinh. Bởi vậy, ông đề nghị mở rộng việc giảng dạy các môn bằng cách lập các học xá ở Kinh đô và một vài tỉnh lớn. Người trong thiên hạ ai muốn theo học đều cho học. Trong

quá trình học, những người thuộc hạng tinh thông qua khảo thí hàng năm sẽ được cấp lương, sau dựa vào thành tích học tập mà bổ dụng “...Nay xin, trong thì tại Kinh đô, ngoài thì tại các tỉnh lớn (như Nghệ An, Hà Nội, Bình Định) đều dụng các học xá, đặt thầy giỏi các ban, phân phát kinh sách, thông sức cho học trò trong thiên hạ ai muốn học đều cho theo học. Hàng năm khảo thí, thuộc hạng tinh thông sẽ được cấp lương theo các mức khác nhau rồi đem danh sách tư cho Bộ phúc hạch để tâu trình lên vua mà lấy dùng...”.

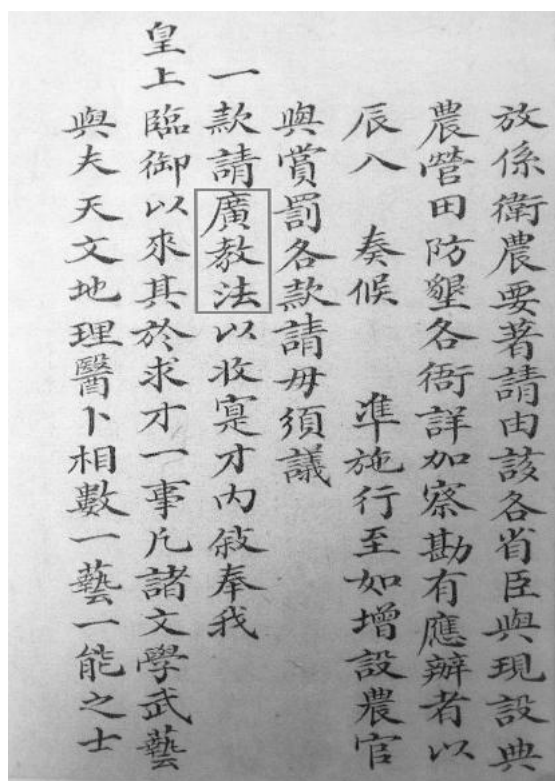
Trước ý kiến trên đây của Thái Khắc Tuy, bộ Hộ mặc dù cũng thừa nhận việc triều đình không tìm được người xứng Chi là do (học trò) thường nhụt học tập, nghiên cứu chưa tinh tường nhưng rốt cục không thể tán thành vì “Bộ thần phụng chiếu phép học văn võ của bản triều, tại kinh có Quốc

từ giám, Võ học đường còn ở các tỉnh có các chức Đốc học, Giáo thụ, Huấn đạo, có thể nói việc giảng dạy đã rõ ràng và đầy đủ. Ngoài ra, các kỳ thi Hương, thi Hội văn khoa và võ khoa được mở nhiều nhân các dịp khánh điền cũng là để rộng tìm người tài mà trưng dụng. Còn các nghề thuộc phương kỹ như thiên văn địa lý, y, bốc, tướng số trước nay vắng Chi tìm hỏi rộng khắp, chỉ là (các nghề này) đều dùng những diệu ngữ bí truyền chứ không rõ ràng như kinh điển Nho học thành thử một hai người ứng cử đều không xứng Chi. Xét cho cùng là do bọn họ ngày thường học tập chẳng tinh. Nay nếu như đặt học xá các ban sẽ lấy ai làm thầy dạy để mong người theo học được tinh thông đây? Huống hồ những nghề này không có được người tinh thông mà lại đặt chức (dùng họ dạy người khác) thì mê hoặc lại càng tăng thêm, e rằng cũng chẳng ích gì, vậy nên khoản này chẳng nên bàn tới”⁽⁷⁾. LỜI nghị bản không nên đặt các trường dạy thiên văn, địa lý, y bốc của bộ Hộ dường như đã được vua Tự Đức chấp thuận. Và để phục vụ nhu cầu dùng người của triều đình, tháng 11 năm Tự Đức thứ 34 (1881), triều đình “chuẩn định lệ xét cử những người biết thiên văn, địa lý, làm thuốc, bói toán và xem tướng”, từ năm Nhâm Ngọ (1882) trở đi, cứ ba năm một khóa, lấy tháng 8 làm kỳ hội xét⁽⁸⁾.

3. Đôi điều nhận xét

Chuyên dùng Nam dược, tận dụng nguồn dược liệu sẵn có để tiết kiệm chi phí và mở các trường học để thu được thực tài, hai vấn đề mà Thái Khắc Tuy nêu ra đều là những vấn đề thiết thực đối với triều đình nhà Nguyễn cũng như đối với dân sinh nhưng hoàn cảnh xã hội Việt Nam lúc bấy giờ không đủ điều kiện để thực thi - như lời phản biện của bộ Hộ phân nào cho thấy.

Với đề nghị chuyên dùng thuốc Nam, lợi ích kinh tế của việc tận dụng dược liệu bản địa rõ ràng không phải bàn cãi nhưng đề nghị này đồng thời



Đoạn đầu khoản nói về việc “quảng giáo pháp” của Thái Khắc Tuy trong bản Tấu của bộ Hộ ngày 16 tháng 10 năm Tự Đức thứ 32 (1879).

cũng đặt ra vấn đề nghiên cứu được liệu, là hoạt động mà cơ quan y tế đầu não của triều đình (Thái y viện) trước đó chưa từng làm. Thành thử cho dù được triều đình Tự Đức ủng hộ thì hoạt động nghiên cứu này còn phải phụ thuộc vào yếu tố người tổ chức và nguồn nhân lực thực hiện. Trong khi sự thiếu vắng hoạt động nghiên cứu (được liệu cũng như phương thuốc) lại là một đặc điểm mang tính cố hữu hay nói chính xác hơn là điểm hạn chế trong hoạt động của cơ quan y tế đầu não của các triều đại quân chủ Việt Nam, và triều Nguyễn cũng không ngoại lệ.

Còn về vấn đề giáo dục, dưới các triều đại quân chủ Việt Nam nói chung, giáo dục tuy được coi trọng nhưng chỉ là giáo dục Nho học, còn các ngành thuộc về “phương kỹ” như thiên văn địa lý, y dược, thuật số thì chưa bao giờ được chính quyền tổ chức. Với triều Nguyễn cũng vậy. Riêng với ngành y dược, vào năm Tự Đức thứ 9 (1856), nhà dạy học của Thái y viện được lập có lẽ là do dưới đời vua Tự Đức, nhu cầu y tế của triều đình nhà Nguyễn có phần đặc biệt. Bên cạnh chứng bệnh mắt lâu khỏi của Hoàng thái hậu Từ Dụ, bản thân vua Tự Đức bẩm thụ yếu đuối, nhiều bệnh dai dẳng. Mà các thầy thuốc Thái y viện chữa trị thường ít hoặc không hiệu quả, thành thử triều đình Tự Đức liên tục phải tìm thầy thuốc giỏi bên ngoài. Như trong khoảng thời gian từ năm 1856 tới năm 1882, theo sử liệu triều Nguyễn, có tới 10 lần triều đình sai tìm thầy thuốc giỏi trong dân gian. Dẫu áp dụng nhiều cách thức,

triều đình Tự Đức vẫn chưa tìm được người xứng Chỉ. Điều này khiến vua Tự Đức vô cùng sốt ruột bởi nhà vua luôn cho rằng người giỏi y thuật trong dân gian không thiếu, và việc chưa chọn cử được người nào đều là lỗi của các quan hữu trách (*Sắc chư địa phương sát cử lương y dụ*). Khác với cách nhìn nhận này của vua Tự Đức, Thái Khắc Tuy cho rằng sở dĩ triều đình khó tìm được người giỏi là do sự học chưa tinh tường, vậy nên cần mở trường để huấn luyện bồi dưỡng. Thực ra trước Thái Khắc Tuy không lâu, một người đồng hương xứ Nghệ với ông là Nguyễn Trường Tộ (1831?-1871), trong bản điều trần dâng lên triều đình Huế năm Tự Đức thứ 19 (1866) cũng từng nhận xét rằng nhân tài nước ta không đủ dùng là có liên quan tới việc nhiều ngành thực dụng không được triều đình chú trọng “Nước ta thì chỉ quý trọng Nho sĩ, cho nên dân cũng chỉ biết theo con đường Nho học mà thôi. Nay nếu cho dân biết rõ rằng triều đình cũng quý cả nhiều nghề khác, thì sẽ không mấy năm, dân chúng sẽ cống hiến được nhiều nghề cho triều đình”⁽⁹⁾. Và trong một bản điều trần viết năm Tự Đức thứ 20 (Di thảo số 27), ở mục thứ 4 xin sửa đổi học thuật, chú trọng thực dụng, Nguyễn Trường Tộ cũng đã đề nghị “chia môn đặt khoa” để cầu thực học, từ đó dần đạt ích lợi. Không chỉ vậy, Nguyễn Trường Tộ cũng rất coi trọng dược liệu bản địa và lưu tâm tới vấn đề khai thác, phát triển nguồn dược phẩm nước nhà. Bên cạnh việc tìm kiếm những vị thuốc Nam có khí vị, cách bào chế giống như các vị thuốc Bắc từ Trung Quốc, ông cũng chủ trương tìm những vị thuốc lưu truyền trong dân gian và cả những vị thuốc người dân tộc thiểu số thường dùng để đem gây trồng, thí nghiệm⁽¹⁰⁾.

Có thể thấy, ở mức độ nhất định, nhìn nhận của Thái Khắc Tuy có điểm gặp gỡ với suy nghĩ của nhà cải cách Nguyễn Trường Tộ. Song nếu với Nguyễn Trường Tộ, cơ hội tiếp xúc thế giới bên ngoài là một nhân tố quan trọng góp phần tạo nên ý tưởng cải cách nơi ông thì với Thái Khắc Tuy, cho tới khi dâng bản điều trần vào năm 1879, Thái Khắc Tuy vẫn chỉ là một

vị quan nhỏ coi sóc công việc tại địa phương. Không có điều kiện tiếp xúc với thế giới bên ngoài như Nguyễn Trường Tộ, và lại các vấn đề Thái Khắc Tuy nêu trong kiến nghị về Nam dược, về giáo dục cũng không mấy liên quan tới công việc của ông lúc bấy giờ (cũng như những công việc ông đảm nhiệm trước đó), những điều này càng chứng tỏ sự quan tâm cũng như tầm nhìn của Thái Khắc Tuy đối với các vấn đề kinh tế, xã hội triều Nguyễn.

Trên cơ sở nguồn tài liệu văn khố triều Nguyễn, bài viết cung cấp một số thông tin trước đây chưa được biết về Thái Khắc Tuy. Thái Khắc Tuy sinh năm 1831 dưới đời vua Minh Mạng (ông có một người em trai là Thái Tình sinh năm 1857 từng theo quân vụ). Đỗ Cử nhân năm 1867, cuộc đời làm quan của Thái Khắc Tuy bắt đầu từ giữa đời vua Tự Đức cho tới ít nhất là đời vua Thành Thái. Trong quãng thời gian từ năm 1870 tới năm 1889, Thái Khắc Tuy trải nhiều chức vụ khác nhau tại triều đình cũng như ở địa phương, cũng trải những lần thăng giáng. Dẫu chức quan không cao, cũng không có công trạng đặc biệt nhưng sự quan tâm và nhìn nhận của Thái Khắc Tuy đối với những vấn đề xã hội triều Nguyễn thể hiện trong bản điều trần năm 1879, tiêu biểu là hai khoản về Nam dược và giáo dục chính là điều đáng ghi nhận ở ông. Bởi dưới đời vua Tự Đức, ngoài nhà cải cách toàn diện và nổi bật là Nguyễn Trường Tộ thì trong số các vị quan thời vua Tự Đức, những người có ý tưởng vượt khỏi các khuôn khổ cũ, hướng tới cải học thực dụng nhằm giúp ích cho đất nước, cho dân sinh thực sự không nhiều./.

Chú thích:

⁽¹⁾ Về Thái Khắc Tuy, sách *Tác gia Hán Nôm Nghệ Tĩnh* (Thái Kim Đình biên soạn, Thư viện Hà Tĩnh, 1996, tr. 79) viết như sau: “Người làng Việt Yên, huyện La Sơn, nay là xã Trường Sơn huyện Đức Thọ, Hà Tĩnh. Đỗ Cử nhân năm Đinh Mão (1867), làm Tri phủ”. Tác phẩm: *Việt sử địa dư vịnh sách* (sử, địa, cùng soạn với Phan Đình Phùng), A.971.

Còn trong *Đức Thọ đất và người* (Đoàn Tử Huyền chủ biên, Nxb. Đại học Vinh, Trung tâm văn hóa ngôn ngữ Đông Tây, 2016, tr.430): “Thái Khắc Tuy (thế kỷ XIX), người xã Việt Yên, huyện La Sơn, nay là xã Trường Sơn, huyện Đức Thọ, Hà Tĩnh; chưa rõ năm sinh và năm mất; đỗ Cử nhân khoa Đinh Mão niên hiệu Tự Đức thứ 20 (1867), được bổ làm Tri phủ, Hàn lâm viện Điển tịch, sau xin cáo quan về quê. Ông có tập *Việt sử địa dư* cùng soạn với Phan Đình Phùng, khảo về địa lý, lịch sử nước ta từ thời Hùng vương cho đến thời nhà Nguyễn”.

Những thông tin về Thái Khắc Tuy trên đây gần như không có gì khác so với ghi nhận trong Quốc triều hương khoa lục của Cao Xuân Dục (Nguyễn Thúc Nga, Nguyễn Thị Lâm dịch, Cao Tự Thanh hiệu đính và giới thiệu, Nxb. Tp Hồ Chí Minh 1993, tr. 376) và *Lược truyện các tác gia Việt Nam* (Trần Văn Giáp chủ biên, Tập I, Nxb. KHXH, H. 1971, Số thứ tự 606, tr. 452).

⁽²⁾ Tờ 98-99, tập 22 (các tài liệu Châu bản đề cập ở đây hiện được lưu giữ tại Trung tâm Lưu trữ Quốc gia I, Hà Nội.

⁽³⁾ Tờ 128-129, tập 2.

⁽⁴⁾ Tuy nhiên nếu căn cứ theo bản Tấu của bộ Hộ năm Tự Đức thứ 32 (1879) đề cập ở phần dưới thì từ đầu năm 1879, Thái Khắc Tuy đã đảm nhiệm chức Giám lâm Hưng Yên rồi.

⁽⁵⁾ Tờ 203-210, tập 325.

⁽⁶⁾ Xin xem Nguyễn Thị Dương, “Thái Khắc Tuy và bản điều trần xin dùng Nam dược thay thế Bắc dược”, *Thông báo Hán Nôm học năm 2014*, Nxb. Thế giới, Hà Nội 2015, tr. 195-202.

⁽⁷⁾ Tấu của bộ Hộ ngày 16 tháng 10 năm Tự Đức thứ 32, tờ 206b - 208a.

⁽⁸⁾ *Đại Nam Thực lục chính biên* - Đệ tứ kỷ, Quyển 66, bản dịch của Viện Sử học, Nxb. Giáo dục, Tập 8, tr. 501.

⁽⁹⁾ Di thảo số 18 về việc học thực dụng, xin xem Trương Bá Cần, *Nguyễn Trường Tộ con người và di thảo*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 1988, tr. 196.

⁽¹⁰⁾ Di thảo số 18 về việc học thực dụng, xin xem Trương Bá Cần, sđd.